



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 06/2025

 **CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ**

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Một số điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025

- Thay đổi về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- Thay đổi về quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- Bổ sung quy định về tổ chức thi hành, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

- Các hoạt động dịch vụ tin cậy
- Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy
- Hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ tin cậy
- Quy trình cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

- Đối tượng áp dụng
- Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả
- Thời hiệu xử phạt
- Một số hành vi vi phạm bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Một số điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 ("Luật BHVBQPPL 2025") được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 ngày 19/02/2025 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/4/2025. Với 09 chương và 72 điều, Luật mới đã tinh giản đáng kể số lượng chương, điều so với Luật năm 2015, qua đó phản ánh xu hướng đổi mới mạnh mẽ trong tư duy lập pháp, nhằm bảo đảm tính linh hoạt, thực tiễn và hiệu quả thi hành pháp luật. Bài viết dưới đây sẽ phân tích ba nhóm điểm mới nổi bật của Luật BHVBQPPL 2025, bao gồm: thay đổi về thẩm quyền ban hành, cải tiến quy trình xây dựng và ban hành, cùng với bổ sung quy định tổ chức thi hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

1. Thay đổi về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Theo Điều 4 và Chương II Luật BHVBQPPL 2025, so với Luật BHVBQPPL 2015, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được thu hẹp từ 26 hình thức xuống còn 25 hình thức, do 14 chủ thể có thẩm quyền ban hành thay vì 16 chủ thể như trước đây.

Thay đổi đáng chú ý nhất là việc bỏ hoàn toàn thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền cấp xã, bao gồm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. Điều này phù hợp với định hướng đơn giản hóa hệ thống pháp luật và tránh sự chồng chéo trong quản lý hành chính.

Đồng thời, Luật BHVBQPPL 2025 bổ sung thêm một hình thức văn bản quy phạm pháp luật mới do Chính phủ ban hành là **Nghị quyết của Chính phủ**. Nghị quyết của Chính phủ được thiết kế để giải quyết các vấn đề cấp bách, khẩn cấp phát sinh từ thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh như dịch bệnh hay các tình huống khẩn cấp khác. Quy trình ban hành Nghị quyết của Chính phủ được đơn giản hóa, cho phép phản ứng nhanh chóng với các tình huống thực tiễn mà không cần qua nhiều thủ tục phức tạp như Nghị định.

Ngoài ra, Luật BHVBQPPL 2025 còn thay đổi hình thức văn bản của Tổng Kiểm toán Nhà nước từ Quyết định sang Thông tư, nhằm thống nhất với bản chất pháp lý của loại văn bản này.

Việc điều chỉnh thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật không chỉ giúp tinh gọn hệ thống mà còn tạo sự rõ ràng trong phân định trách nhiệm giữa các cấp chính quyền. Sự thay đổi về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng phản ánh xu hướng tập trung hóa việc ban hành các quy định pháp luật ở cấp cao hơn, đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong toàn hệ thống pháp luật. Các doanh nghiệp và tổ chức sẽ được hưởng lợi từ việc có một hệ thống pháp luật rõ ràng, ít phức tạp hơn trong quá trình tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật.

Một số điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025

2. Thay đổi về quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Luật BHVBQPPL 2025 mang đến những cải cách đột phá trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng pháp luật. Những thay đổi này tập trung vào việc đơn giản hóa thủ tục, tăng tính linh hoạt và đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng pháp luật.

Một trong những thay đổi đáng chú ý nhất là việc tách riêng quy trình chính sách khỏi Chương trình lập pháp hằng năm. Theo Luật BHVBQPPL 2025, quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo được phân định rõ ràng thành hai mục riêng biệt trong Chương III. Ủy ban Thường vụ Quốc hội giờ đây sẽ quyết định Chương trình lập pháp hằng năm trên cơ sở tờ trình đề xuất của các cơ quan có thẩm quyền, thay vì việc xây dựng hồ sơ đề nghị phức tạp như trước.

Luật BHVBQPPL 2025 cũng thu hẹp các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật cần thực hiện quy trình hai giai đoạn (xây dựng chính sách và soạn thảo). Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật BHVBQPPL 2025, chỉ có ba trường hợp bắt buộc phải xây dựng chính sách:

Luật, pháp lệnh mới hoặc luật, pháp lệnh thay thế các luật, pháp lệnh hiện hành;

Luật sửa đổi, bổ sung có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp;

Nghị quyết thí điểm của Quốc hội.

Các trường hợp còn lại sẽ thực hiện quy trình soạn thảo trực tiếp mà không cần qua giai đoạn xây dựng chính sách, giúp rút ngắn đáng kể thời gian ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đặc biệt, Luật bổ sung hình thức tham vấn chính sách trong quá trình xây dựng chính sách các dự án luật, nghị quyết và pháp lệnh tại Điều 30 Luật BHVBQPPL 2025, giúp khắc phục tình trạng chính sách được đề ra còn chung chung, thiếu tính cụ thể và khả thi. Nội dung được tham vấn sẽ tập trung vào những chính sách liên quan trực tiếp đến phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các cơ quan được tham vấn.

Việc mở rộng đối tượng lấy ý kiến góp ý chính sách và dự thảo là một điểm mới khác của Luật BHVBQPPL 2025. Các Đoàn đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội được đưa vào danh sách đối tượng lấy ý kiến trong quy trình xây dựng chính sách. Điều này thể hiện tinh thần dân chủ, minh bạch trong xây dựng pháp luật và đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật phản ánh đúng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân.

Một số điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025

3. Bổ sung quy định về tổ chức thi hành, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

Luật BHVBQPPL 2025 có một điểm mới quan trọng là bổ sung chuyên mục về tổ chức thi hành và hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại Chương VII Luật BHVBQPPL 2025. Đây là điểm hạn chế của Luật BHVBQPPL 2015 khi chưa xác định rõ các hoạt động thuộc về tổ chức thi hành pháp luật và trách nhiệm của các chủ thể.

Theo Điều 59 Luật BHVBQPPL 2025, việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm những nội dung cơ bản mà các cơ quan, người có thẩm quyền cần thực hiện sau khi văn bản được ban hành. Các hoạt động này gồm:

- (i) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;
- (ii) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- (iii) Phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật;
- (iv) Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;
- (v) Giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.



Một số điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025

Luật BHVBQPPL 2025 quy định rõ trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin về tổ chức thi hành. Cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Đặc biệt, Luật BHVBQPPL 2025 bổ sung quy định về hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ Điều 61 Luật BHVBQPPL 2025, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với văn bản do mình ban hành bằng văn bản hành chính, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Điều này giúp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, đảm bảo việc hiểu và thực hiện pháp luật được thống nhất, chính xác.

Về ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong xây dựng văn bản, Điều 66 Luật BHVBQPPL 2025 khuyến khích việc sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu điện tử trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Điều này nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch và giảm thiểu thời gian, chi phí trong công tác xây dựng pháp luật. Theo đó, các cơ quan được khuyến khích xây dựng hệ thống thông tin tích hợp, cho phép theo dõi, giám sát toàn bộ quá trình từ khâu đề xuất đến thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Luật BHVBQPPL 2025 thể hiện quyết tâm đổi mới mạnh mẽ hệ thống pháp luật Việt Nam theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp thực tiễn. Đây là nền tảng pháp lý vững chắc để xây dựng nhà nước pháp quyền hiện đại, phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển đất nước.

Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

Giao dịch điện tử ngày càng phổ biến trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi phải có công cụ đảm bảo tính xác thực và giá trị pháp lý của các giao dịch điện tử. Để đáp ứng yêu cầu này, Chính phủ đã ban hành Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025, có hiệu lực từ 10/4/2025 ("**Nghị định 23**"), nhằm quy định chi tiết về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy theo Nghị định 23 nêu trên.

1. Các hoạt động dịch vụ tin cậy

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Giao dịch điện tử 2023 và Nghị định 23, các hoạt động dịch vụ tin cậy bao gồm:

Dịch vụ cấp dấu thời gian: Căn cứ theo quy định tại Điều 24 Nghị định 23, dịch vụ cấp dấu thời gian bao gồm các hoạt động sau:

- (i) Gắn thời gian vào thông điệp dữ liệu; thời gian được gắn vào thông điệp dữ liệu là ngày và thời gian mà tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian nhận được thông điệp dữ liệu đó.
- (ii) Cung cấp thông tin cần thiết để giúp chứng thực thông điệp dữ liệu đó của thuê bao đã gắn ngày, tháng, năm và thời gian trên thông điệp dữ liệu.
- (iii) Thực hiện việc lưu trữ, quản lý thông tin người sử dụng dịch vụ.
- (iv) Cấp, gia hạn, tạm dừng, phục hồi và thu hồi tài khoản của thuê bao.
- (v) Duy trì trực tuyến dữ liệu về thông tin người sử dụng dịch vụ, dấu thời gian đã cấp.

Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu: Căn cứ theo quy định tại Điều 25 Nghị định 23, dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu gồm:

- (i) Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu;
- (ii) Dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm.

Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng: Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị định 23, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng nhằm xác thực chủ thể ký số trên thông điệp dữ liệu, bảo đảm tính chống chối bỏ của chủ thể ký với thông điệp dữ liệu và bảo đảm tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được ký. Dịch vụ này bao gồm:

- (i) Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số trên các phương tiện lưu khóa bí mật bằng thiết bị phần cứng;
- (ii) Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số trên thiết bị di động;
- (iii) Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa.

Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy

Do đặc thù liên quan đến an ninh mạng, quyền riêng tư và giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, việc kinh doanh dịch vụ tin cậy bị kiểm soát chặt chẽ. Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy được quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Giao dịch điện tử 2023, cụ thể doanh nghiệp muốn kinh doanh dịch vụ tin cậy cần đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam;
- (ii) Đáp ứng điều kiện tài chính, nhân lực quản lý và kỹ thuật phù hợp với từng loại dịch vụ tin cậy quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Giao dịch điện tử 2023;
- (iii) Hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ tin cậy đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;
- (iv) Có phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ phù hợp với từng loại dịch vụ tin cậy quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Giao dịch điện tử 2023;
- (v) Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy.



Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

Nghị định 23 quy định khi đăng ký kinh doanh dịch vụ tin cậy, doanh nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Giao dịch điện tử 2023. Trong đó, các điều kiện tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 29 Luật Giao dịch điện tử 2023 được hướng dẫn chi tiết tại Điều 18 Nghị định 23.

Cụ thể, doanh nghiệp chỉ được cung cấp dịch vụ tin cậy khi đáp ứng các điều kiện về tư cách pháp lý; tài chính; nhân lực quản lý và kỹ thuật; phương án kỹ thuật và các điều kiện khác tùy thuộc vào dịch vụ tin cậy mà doanh nghiệp muốn đăng ký. Các điều kiện chung đối với cả ba loại hình hoạt động dịch vụ tin cậy nêu trên được quy định cụ thể như sau:

Về tư cách pháp lý: Là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam;

Về năng lực tài chính: Để giải quyết rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện một trong hai hình thức sau:

(i) Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam áp dụng cho một hoặc các dịch vụ tin cậy. Mức ký quỹ là 10 tỷ đồng Việt Nam cho mỗi 300 nghìn thuê bao và không thấp hơn 10 tỷ đồng Việt Nam, với điều kiện doanh nghiệp không được thu tiền trả trước quá 01 năm từ thuê bao; hoặc

(ii) Mua bảo hiểm trách nhiệm, thiệt hại đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy để bảo đảm quyền lợi của thuê bao trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.

Về nhân lực quản lý và kỹ thuật:

(i) Nhân lực về vận hành hệ thống gồm: quản trị, vận hành, an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát quyền ra vào, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số, quản lý vòng đời khóa;

(ii) Nhân lực cung cấp dịch vụ gồm: kiểm toán kỹ thuật, bảo mật, cấp, tạm dừng, hủy, cài đặt và bảo hành; xác minh danh tính thuê bao (đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu);

(iii) Nhân lực chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật có trình độ từ đại học trở lên về an toàn thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo;

(iv) Nhân lực chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật, cấp, tạm dừng, hủy, cài đặt và bảo hành, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời khóa có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin hoặc gần đào tạo về công nghệ thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo.

Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

Về phương án kỹ thuật: Phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ áp dụng chung cho các loại dịch vụ tin cậy, phải thể hiện các nội dung sau:

- (i) Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật về chữ ký số, chứng thư chữ ký số; dịch vụ tin cậy; an toàn thông tin mạng; an ninh mạng;
- (ii) Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin thuê bao; cập nhật danh sách các chứng thư chữ ký số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi; thuê bao có thể truy cập, sử dụng Internet truy nhập trực tuyến 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần;
- (iii) Bảo đảm mỗi cặp khóa được tạo ra ngẫu nhiên và đúng một lần duy nhất; có tính năng bảo đảm khóa bí mật không bị phát hiện khi có khóa công khai tương ứng;
- (iv) Cảnh báo, ngăn chặn và phát hiện truy nhập bất hợp pháp trên môi trường điện tử;
- (v) Thành phần quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số được thiết kế theo xu hướng giảm thiểu tối đa sự tiếp xúc trực tiếp với môi trường điện tử và độc lập với các hệ thống không phục vụ cho dịch vụ tin cậy;
- (vi) Hệ thống thông tin phải bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng;
- (vii) Kiểm soát sự ra vào, quyền truy nhập hệ thống, quyền ra vào nơi đặt thiết bị;
- (viii) Dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu, có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố; trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20 kilomet và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố;
- (ix) Hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ đặt tại Việt Nam;
- (x) Quy chế chứng thực theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 23.

Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

3. Hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 23, doanh nghiệp muốn được cấp phép hoạt động kinh doanh dịch vụ tin cậy cần lập một bộ hồ sơ gồm:

- (i) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy;
- (ii) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản chính của một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp;
- (iii) Văn bản chứng minh đáp ứng được các điều kiện về tài chính;
- (iv) Hồ sơ nhân lực quản lý và kỹ thuật gồm: lý lịch tư pháp, bản sao có chứng thực bằng đại học trở lên của đội ngũ nhân lực quản lý và kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định 23, bản mô tả về công việc và kinh nghiệm đã có tương ứng với vị trí nhân lực quản lý và kỹ thuật, hợp đồng lao động và quyết định phân công;
- (v) Phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ phù hợp với từng loại dịch vụ tin cậy;
- (vi) Quy chế chứng thực.

Hồ sơ phải được nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Bộ Thông tin và Truyền thông.



Những quy định mới nhất về kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

4. Quy trình cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định và cấp phép. Khoản 3, khoản 4 Điều 20 và Điều 21 Nghị định 23 quy định quy trình cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy bao gồm các bước:

4.1. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

4.2. Thẩm tra hồ sơ:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ của Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan.

(ii) Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

4.3. Cấp phép hoặc từ chối: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến phối hợp thẩm tra quy định tại điểm a khoản này, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra và cấp giấy phép theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Nghị định 23/2025/NĐ-CP là bước tiến lớn trong việc chuẩn hóa và phát triển thị trường dịch vụ tin cậy tại Việt Nam. Với hệ thống điều kiện và quy trình chặt chẽ, doanh nghiệp có nhu cầu kinh doanh dịch vụ tin cậy cần chủ động nghiên cứu kỹ các quy định pháp lý, chuẩn bị hồ sơ đầy đủ và nâng cao năng lực vận hành để được cấp phép và hoạt động đúng pháp luật.

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm chính thức có hiệu lực vào ngày 15/02/2025, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, đảm bảo tính minh bạch và hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm tại Việt Nam. Với phạm vi điều chỉnh rõ ràng, nghị định này xác định cụ thể hành vi vi phạm, mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo hiểm. Bài viết dưới đây của TNTP sẽ phân tích một số nội dung trọng tâm của Nghị định, từ đối tượng áp dụng đến thời hiệu và biện pháp xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

1. Đối tượng áp dụng

Điều 2 Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ("**Nghị định 174**") quy định rõ đối tượng chịu sự điều chỉnh của Nghị định 174 khá rộng, bao gồm toàn bộ các cá nhân và tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam, cụ thể:

Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài (chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);

Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam (văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam);

Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm;

Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và tổ chức khác có tư cách pháp nhân);

Các tổ chức khác có liên quan quy định tại Nghị định này.

So với Nghị định 98/2013/NĐ-CP trước đây ("**Nghị định 98**"), Nghị định 174 được sửa đổi, bổ sung cập nhật dựa trên sự thay đổi của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 so với Luật Kinh doanh bảo hiểm 2014. Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 174 và phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng với hành vi vi phạm của mình.

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

2. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

So với Nghị định 98, Nghị định 174 đã quy định hệ thống hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả một cách chi tiết, rõ ràng và toàn diện hơn nhằm đảm bảo tính răn đe và hiệu quả trong việc xử lý vi phạm hành chính.

(i) Hình thức cảnh cáo chỉ được áp dụng đối với cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm thay vì áp dụng cho từng trường hợp như Nghị định 98.

(ii) Hình thức xử phạt chính là phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức là 200.000.000 đồng. Mức phạt tiền đối với tổ chức được xác định bằng 02 (hai) lần mức phạt đối với cá nhân cho cùng hành vi vi phạm.

Các trường hợp đặc biệt được quy định riêng tại một số điều cụ thể chỉ áp dụng để xử phạt đối với tổ chức, thể hiện sự phân biệt rõ ràng về tính chất và mức độ nghiêm trọng của từng loại vi phạm.

(iii) Ngoài ra, hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động có thời hạn cũng được áp dụng trong một số trường hợp nghiêm trọng.



Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

(iv) Trước đây, Nghị định 98 chỉ quy định 6 biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, thì hiện nay, Nghị định 174 quy định đến 12 biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

- Buộc khôi phục tình trạng ban đầu;
- Buộc thực hiện công bố hoặc công bố đúng quy định hoặc thông báo hoặc buộc cải chính thông tin;
- Buộc chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật; buộc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô sử dụng chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật;
- Buộc cung cấp cho bên mua bảo hiểm các tài liệu trong quá trình giao kết của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;
- Buộc giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;
- Buộc thông báo cho Bộ Tài chính về việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng;
- Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật;
- Buộc dừng sử dụng người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm;
- Buộc nộp lại Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;
- Buộc hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

(v) Một điểm mới của Nghị định 174 so với Nghị định 98 là quy định nguyên tắc xác định mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định 174, nguyên tắc xác định mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm dựa trên các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trong đó một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng, cụ thể như sau:

- Nếu không có tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng thì áp dụng mức trung bình của khung tiền phạt;
- Trường hợp có 01 tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng mức trung bình giữa mức trung bình và mức tối thiểu của khung tiền phạt;
- Trường hợp có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt;
- Trường hợp có 01 tình tiết tăng nặng thì áp dụng mức trung bình giữa mức trung bình và mức tối đa của khung tiền phạt;
- Trường hợp có 02 tình tiết tăng nặng trở lên thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

3. Thời hiệu xử phạt

Điều 4 Nghị định 174 quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính như sau:



(vi) Đối với hành vi đang được thực hiện: thời hiệu bắt đầu từ ngày người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm;

(vii) Đối với hành vi đã kết thúc: thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm. Đặc biệt, một số hành vi có tính chất nghiêm trọng như gian lận hồ sơ xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, không xây dựng chính sách quản trị rủi ro, không thực hiện chế độ báo cáo, công khai thông tin... có thời điểm chấm dứt được xác định riêng, nhằm phù hợp với đặc thù của từng loại vi phạm.

(viii) Thời hiệu xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm là 02 năm.

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

4. Một số hành vi vi phạm bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Tại Nghị định 174, các hành vi vi phạm đã được sửa đổi, bổ sung để có thể đồng bộ, thống nhất với các nội dung được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ tại Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Theo đó, Chương II Nghị định 174 đã bổ sung một số hành vi vi phạm đáng chú ý như cung cấp sản phẩm bảo hiểm, vi phạm các quy định về đại lý bảo hiểm, về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, việc thực hiện các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán.

Bên cạnh đó, Nghị định 174 quy định chi tiết các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với mức độ phân loại rõ ràng theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của từng vi phạm. Một số hành vi vi phạm bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tiêu biểu như sau:

(i) Điều 15 Nghị định 174 quy định nghiêm ngặt các hành vi gian lận trong bồi thường bảo hiểm và trả tiền bảo hiểm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 213 Bộ luật Hình sự 2015 với mức phạt tiền cao nhất lên đến 200 triệu đồng, bao gồm:

- Hành vi thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;
- Hành vi giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;
- Hành vi giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;
- Hành vi tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm.



Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

(ii) Hành vi vi phạm về thông tin và giải thích hợp đồng bảo hiểm được khoản 2 Điều 16 Nghị định 174/2024/NĐ-CP quy định chi tiết và nghiêm ngặt hơn so với Nghị định 98 trước đây.

- Hành vi không cung cấp các tài liệu, không giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bị xử phạt nghiêm khắc với mức phạt tiền đối với tổ chức lên đến 100 triệu. Điều này sẽ khắc phục trường hợp các công ty bảo hiểm, các cá nhân làm trong lĩnh vực bảo hiểm không có sự giải thích nhằm tránh né trách nhiệm loại trừ bảo hiểm, khiến người mua không hiểu rõ về hợp đồng bảo hiểm.

- Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm buộc cung cấp tài liệu giao kết hợp đồng, buộc giải thích rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm đối với các hợp đồng còn hiệu lực.

(iii) Hành vi vi phạm về người quản lý trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có mức phạt tăng đáng kể từ 60 triệu - 70 triệu đồng lên 140 triệu - 180 triệu đồng theo Điều 10 Nghị định 174, bao gồm các vi phạm liên quan đến việc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định pháp luật; thay đổi người quản lý cấp cao khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản để đảm bảo tính ổn định và minh bạch trong quản trị doanh nghiệp bảo hiểm.

(iv) Ngoài ra, các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đã được bổ sung và hoàn thiện hơn nhằm góp phần thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Quyết định 194/QĐ-TTg.

Nghị định 174 là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam. Với hệ thống chế tài cụ thể, phân loại hành vi vi phạm rõ ràng và cơ chế xử lý chặt chẽ, Nghị định 174 góp phần tăng cường tính minh bạch, kỷ cương và hiệu quả giám sát trong toàn ngành bảo hiểm.

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 06/2025

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19 Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818

Email: ha.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 /dsdc.com.vn/ & /tntplaw.vn/

 /giaiquyettranhchaphvathuhoino/